

# THỰC TRẠNG VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Nguyễn Thùy Dung<sup>1</sup>, Hoàng Thị Kim Oanh<sup>2</sup>, Lê Đình Hải<sup>3</sup>

<sup>1,2,3</sup>Trường Đại học Lâm nghiệp

## TÓM TẮT

Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam, là một trường đầu ngành về đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Lâm nghiệp trong phạm vi toàn quốc, với qui mô lên đến 17.000 sinh viên. Khoa Kinh tế & Quản trị kinh doanh là khoa có tỷ trọng sinh viên tương đối lớn của trường. Chính vì vậy, trong nghiên cứu này, chúng tôi khảo sát 512 sinh viên thuộc Khoa Kinh tế & Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Lâm nghiệp. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng kết quả học tập của sinh viên chính quy của Khoa đạt mức trung bình khá (điểm bình quân đạt 6,35). Kết quả phân tích mô hình hồi qui tuyến tính đa biến cũng đã chỉ ra các nhân tố thuộc về đặc điểm của sinh viên (bao gồm: giới tính, sinh viên năm thứ, điểm thi đại học, ngành học, sử dụng thư viện và internet trong học tập) có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả học tập của sinh viên chính quy Khoa Kinh tế & Quản trị kinh doanh. Kết quả nghiên cứu có thể làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp nhằm góp phần nâng cao kết quả học tập của sinh viên Khoa Kinh tế & Quản trị kinh doanh nói riêng và Trường Đại học Lâm nghiệp nói chung.

**Từ khóa:** Đại học Lâm nghiệp, kết quả học tập, Khoa Kinh tế & Quản trị kinh doanh, nhân tố ảnh hưởng.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong kỷ nguyên kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế sâu sắc về tất cả các lĩnh vực, chất lượng đào tạo của các trường đại học trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, quyết định sự thành bại của một quốc gia. Chất lượng đào tạo được phản ánh thông qua kết quả học tập của sinh viên.

Đã có nhiều nghiên cứu trong nước và trên thế giới về việc xác định các yếu tố tác động đến kết quả học tập (KQHT) của sinh viên, ví dụ như nghiên cứu của Stinebrickner et al. (2000, 2001a, 2001b) và nghiên cứu của Checchi et al. (2000). Một số nghiên cứu tại Việt Nam như nghiên cứu của Huỳnh Quang Minh (2002), nghiên cứu khác của Nguyễn Thị Mai Trang et al. (2008). Kết quả của các nghiên cứu này cho thấy có mối quan hệ chặt chẽ giữa các yếu tố thuộc đặc điểm của sinh viên và KQHT.

Trường Đại học Lâm nghiệp (ĐHLN) là một trường đầu ngành về đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Lâm nghiệp trong phạm vi toàn quốc, với qui mô lên đến 17.000 sinh viên. Khoa Kinh tế & Quản trị kinh doanh

(QTKD) là khoa có tỷ trọng sinh viên tương đối lớn của trường ĐHLN. Với thực trạng KQHT hiện nay của sinh viên của Khoa phổ biến chỉ ở mức trung bình và trung bình khá. Vì vậy, để góp phần nâng cao vị thế của trường như là một trường có bề dày kinh nghiệm, tiên phong, đổi mới và khả năng cung ứng cho xã hội nguồn nhân lực có chất lượng thì việc nâng cao chất lượng đào tạo mà cụ thể là nâng cao KQHT của sinh viên là yêu cầu cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Chính vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng về kết quả học tập của sinh viên và các nhân tố thuộc đặc điểm của sinh viên tác động đến KQHT của sinh viên sẽ giúp cho Khoa Kinh tế & QTKD và trường ĐHLN phát huy các yếu tố tích cực, quan trọng và hạn chế các yếu tố tiêu cực để góp phần nâng cao KQHT của sinh viên từ đó nâng cao chất lượng đào tạo của của nhà trường.

## II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Nội dung nghiên cứu

Bài viết đánh giá được thực trạng về kết quả học tập của sinh viên chính qui Khoa Kinh tế & QTKD, Trường ĐHLN; đồng thời xác định các nhân tố thuộc về đặc điểm của sinh viên

ảnh hưởng đáng kể đến kết quả học tập của sinh viên của Khoa; trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao kết quả học tập của sinh viên Khoa Kinh tế và QTKD, Trường ĐHLN.

**2.2. Phương pháp nghiên cứu**

**2.2.1. Phương pháp chọn mẫu nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu áp dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng kết hợp theo các tiêu chí chọn mẫu bao gồm: Ngành đào tạo, sinh viên năm thứ, chỗ ở, giới tính để thu thập thông tin của 512 sinh viên chính qui đang học tại Khoa Kinh tế & QTKD, Trường ĐHLN với cỡ mẫu được đề cập tại bảng 1.

**Bảng 1. Phương pháp chọn mẫu điều tra**

Tiêu chí	Ngành đào tạo thuộc khoa kinh tế & QTKD						
	Kinh tế	QTKD	Kế toán	HTTT	QLDD	Tổng	
Năm thứ	Năm 1	21	50	40	30	54	195
	Năm 2	44	2	54	7	80	187
	Năm 3	16	50	31	0	33	130
Chỗ ở	Ngoài KTX	56	71	86	25	112	350
	Trong KTX	25	31	39	12	55	162
Giới tính	Nữ	66	74	114	12	104	370
	Nam	15	28	11	25	63	142
<b>Tổng</b>	<b>81</b>	<b>102</b>	<b>125</b>	<b>37</b>	<b>167</b>	<b>512</b>	

(Ghi chú: QTKD: Quản trị Kinh doanh; HTTT: Hệ thống thông tin; QLDD: Quản lý đất đai)

**2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu**

Thông tin sơ cấp được thu thập thông qua phiếu điều tra khảo sát thực tế được tiến hành từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2014. Nội dung phiếu điều tra bao gồm: Thông tin về cá nhân sinh viên, kết quả học tập của sinh viên, các nhân tố ảnh hưởng đến KQHT và một số kiến nghị của sinh viên. Thông tin thứ cấp về tình hình và kết quả học tập của sinh viên được thu thập từ Khoa Kinh tế & QTKD, Phòng Đào tạo và Phòng Chính trị - Công tác sinh viên Trường ĐHLN. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn tham khảo ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý thuộc các phòng ban của Trường ĐHLN.

Nghiên cứu được tiến hành thông qua hai bước chính: nghiên cứu sơ bộ và nghiên cứu chính thức. Nghiên cứu sơ bộ thực hiện bằng phương pháp định tính thông qua phương pháp phỏng vấn sâu với 12 sinh viên bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp kết hợp với phát bảng hỏi thăm dò cho 30 sinh viên để điều chỉnh bảng hỏi.

Nghiên cứu chính thức được thực hiện bằng

phương pháp định lượng thông qua phát bảng hỏi với kích thước mẫu điều tra là 512 sinh viên.

**2.2.3. Phương pháp xử lý, phân tích**

Nghiên cứu sử dụng phần mềm phân tích thống kê SPSS 19.0 cho việc phân tích thống kê mô tả, cho việc xác định các nhân tố ảnh hưởng chủ yếu đến KQHT thông qua mô hình hồi qui tuyến tính đa biến (Multiple Linear Regression). Kết quả của phân tích thống kê so sánh, mô hình hồi qui tuyến tính đa biến là cơ sở để đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao KQHT của sinh viên của khoa Kinh tế & QTKD, Trường ĐHLN.

Để xác định các nhân tố ảnh hưởng chủ yếu đến kết quả học tập của sinh viên với điểm TBHT theo thang điểm 10, mô hình hồi qui đa biến được xây dựng với biến phụ thuộc là điểm TBHT và các biến số độc lập dựa vào kết quả của phân tích mối tương quan của từng biến độc lập với biến phụ thuộc. Các biến độc lập ở đây có thể bao gồm: giới tính; ngành học; đi làm thêm; học thêm ngành 2; học thêm ở thư

viện; khối thi đầu vào; năm thứ; sử dụng Thư viện, máy vi tính, Internet phục vụ học tập.

**III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

**3.1. Thực trạng về kết quả học tập của sinh viên Trường ĐHLN**

Kết quả nghiên cứu cho thấy điểm TBHT của sinh viên Khoa Kinh tế & QTKD là 6,35 tương đương với mức trung bình khá. Điểm TBHT của sinh viên có thể có sự khác biệt theo các tiêu chí phân tích khác nhau như

ngành học, khối thi đầu vào, giới tính.

**3.1.1. Kết quả học tập theo ngành học**

Kết quả bảng 2 cho thấy kết quả học tập theo thang điểm 10 của sinh viên ngành Kế toán cao hơn đáng kể (mức ý nghĩa thống kê 5%) so với sinh viên ngành QTKD, QLDD và HTTT của Khoa Kinh tế & QTKD. Trong khi đó sinh viên ngành Hệ thống thông tin có kết quả học tập thấp hơn đáng kể so với các ngành học khác của Khoa Kinh tế & QTKD.

**Bảng 2. KQHT của sinh viên của Khoa Kinh tế & QTKD theo ngành học**

Ngành học	N	ĐTBHT	Std. Dev
Kế toán	125	6,79 <sup>a</sup>	0,947
Kinh tế	81	6,60 <sup>ab</sup>	0,852
QTKD	102	6,35 <sup>b</sup>	1,261
QLDD	167	6,13 <sup>bc</sup>	1,120
HTTT	37	5,35 <sup>d</sup>	1,396
<b>Trung bình</b>	<b>512</b>	<b>6,35</b>	<b>1,155</b>
Kiểm định ANOVA			15,38
Pvalue (two-tail)			0,000

(Ghi chú: Chữ thường ở cột ĐTBHT thể hiện sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm TBHT)

**3.1.2. Kết quả học tập theo khối thi đầu vào**

Kết quả bảng 3 cho thấy kết quả học tập theo thang điểm 10 của sinh viên thi đầu vào

theo khối thi D1 cao hơn đáng kể (mức ý nghĩa thống kê 5%) so với sinh viên thi đầu vào theo khối thi A1.

**Bảng 3. KQHT của sinh viên của Khoa Kinh tế & QTKD theo khối thi đầu vào**

Khối thi	N	ĐTBHT	Sai tiêu chuẩn
D1	130	6,53 <sup>a</sup>	0,982
B	103	6,38 <sup>ab</sup>	1,019
A	259	6,27 <sup>ab</sup>	1,231
A1	17	5,89 <sup>b</sup>	1,768
<b>Trung bình</b>	<b>509</b>	<b>6,35</b>	<b>1,157</b>
Kiểm định ANOVA			2,342
Pvalue (two-tail)			0,072

**3.1.3. Kết quả học tập theo năm học**

Kết quả bảng 4 cho thấy kết quả học tập theo thang điểm 10 của sinh viên năm thứ 3 và năm thứ 2 cao hơn đáng kể (mức ý nghĩa thống kê 5%) so với sinh viên năm thứ nhất. Điều

này có thể giải thích là do sinh viên năm 2 và 3 đã thích ứng được với môi trường và phương pháp học đại học trong khi đó sinh viên năm thứ nhất mới bắt đầu làm quen với môi trường và phương pháp học ở bậc đại học.

**Bảng 4. KQHT của sinh viên của Khoa Kinh tế & QTKD theo năm học**

Năm thứ	N	ĐTBHT	Sai tiêu chuẩn
Năm thứ 1	195	5,78 <sup>b</sup>	1,380
Năm thứ 2	187	6,62 <sup>a</sup>	0,870
Năm thứ 3	130	6,82 <sup>a</sup>	0,730
<b>Trung bình</b>	512	6,35	1,160
Kiểm định ANOVA			46,46
Pvalue (two-tail)			0,000

**3.1.4. Kết quả học tập theo giới tính của sinh viên**

**Bảng 5. Kết quả học tập của sinh viên theo một số chỉ tiêu**

TT	Chỉ tiêu	N	TBHT	Sai tiêu chuẩn
<b>Giới tính</b>				
1	Nữ	370	6,70 <sup>a</sup>	0,870
	Nam	142	5,44 <sup>b</sup>	1,300
	T-test cho các chênh lệch khác nhau			10,71
	Pvalue (two-tail)			0,000
	<b>Chỗ ở SV</b>			
2	Ngoài KTX	350	6,36 <sup>a</sup>	1,140
	Trong KTX	162	6,34 <sup>a</sup>	1,192
	T-test với các chênh lệch bằng nhau			0,145
	Pvalue (two-tail)			0,885
<b>Ngành học 2</b>				
3	Không	455	6,28 <sup>b</sup>	1,160
	Có	39	6,96 <sup>a</sup>	1,041
	T-test với các chênh lệch bằng nhau			-3,896
	Pvalue (two-tail)			0,000
<b>Máy vi tính</b>				
4	Không	105	6,01 <sup>b</sup>	1,213
	Có	407	6,44 <sup>a</sup>	1,125
	T-test với các chênh lệch bằng nhau			-3,425
	Pvalue (two-tail)			0,000
<b>Học ở thư viện</b>				
5	Không	216	6,12 <sup>b</sup>	1,363
	Có	296	6,52 <sup>a</sup>	0,944
	T-test cho các chênh lệch khác nhau			-3,735
	Pvalue (two-tail)			0,000

TT	Chỉ tiêu	N	TBHT	Sai tiêu chuẩn
<b>Sử dụng Internet cho học tập</b>				
6	Không	158	6,09 <sup>b</sup>	1,193
	Có	354	6,45 <sup>a</sup>	1,120
	T-test với các chênh lệch bằng nhau			-3,463
	Pvalue (two-tail)		0,000	
<b>Sinh viên có đi làm thêm</b>				
7	Không	448	6,38 <sup>a</sup>	1,116
	Có	64	6,13 <sup>a</sup>	1,387
	T-test với các chênh lệch bằng nhau			1,650
	Pvalue (two-tail)		0,100	
<b>Nguyện vọng đầu vào</b>				
8	NV1	253	6,20 <sup>b</sup>	1,186
	NV2	259	6,49 <sup>a</sup>	1,110
	T-test với các chênh lệch bằng nhau			-2,868
	Pvalue (two-tail)		0,004	
	Trung bình	512	6,35	1,155

Kết quả bảng 5 cho thấy:

Kết quả học tập theo thang điểm 10 của sinh viên nữ cao hơn đáng kể (mức ý nghĩa thống kê 5%) so với điểm của sinh viên nam.

Không có sự khác biệt một cách đáng kể (mức ý nghĩa thống kê 5%) về kết quả học tập theo thang điểm 10 của sinh viên ở trong ký túc xá và ở ngoài ký túc xá.

Kết quả học tập theo thang điểm 10 của sinh viên Khoa Kinh tế & QTKD có theo học ngành 2 cao hơn đáng kể (mức ý nghĩa thống kê 5%) so với sinh viên không theo học ngành học 2.

Kết quả học tập theo thang điểm 10 của sinh viên Khoa Kinh tế & QTKD có sở hữu máy vi tính cao hơn đáng kể (mức ý nghĩa thống kê 5%) so với sinh viên không sở hữu máy vi tính. Điều này có thể giải thích là do sinh viên sử dụng máy vi tính đã phục vụ tốt cho việc học tập.

Kết quả học tập theo thang điểm 10 của sinh viên Khoa Kinh tế & QTKD thường xuyên học thêm ở thư viện cao hơn đáng kể (mức ý nghĩa thống kê 5%) so với sinh viên không học thêm

ở thư viện. Điều này có thể giải thích là do môi trường thư viện tạo điều kiện cho sinh viên học tập tốt hơn. Cụ thể môi trường yên lặng giúp sinh viên tập trung hơn trong học tập; Bên cạnh đó sinh viên còn có thể tham khảo thêm nhiều tài liệu có sẵn trong thư viện để phục vụ cho học tập.

Kết quả học tập theo thang điểm 10 của sinh viên Khoa Kinh tế & QTKD có sử dụng Internet phục vụ cho học tập cao hơn đáng kể (mức ý nghĩa thống kê 5%) so với sinh viên không sử dụng Internet phục vụ cho học tập. Điều này có thể giải thích là do sinh viên sử dụng Internet để tìm kiếm tài liệu tham khảo để phục vụ cho việc trau dồi thêm kiến thức và hoàn thành tốt các bài tập.

Việc làm thêm của sinh viên không ảnh hưởng nhiều (mức ý nghĩa thống kê 5%) đến kết quả học tập theo thang điểm 10 của sinh viên Khoa Kinh tế & QTKD.

Kết quả học tập theo thang điểm 10 của sinh viên Khoa Kinh tế & QTKD nguyện vọng 2 cao hơn đáng kể (mức ý nghĩa thống kê 5%) so

với sinh viên nguyện vọng 1. Điều này có thể giải thích là do điểm tuyển nguyện vọng 2 cao hơn điểm tuyển nguyện vọng 1.

Kết quả phân tích trên có thể cho thấy ngành học, khối thi đầu vào, nguyện vọng tuyển sinh đầu vào, năm thứ, giới tính, học thêm ngành học 2, sử dụng thư viện, máy vi tính và Internet phục vụ cho việc học tập có ảnh hưởng một cách đáng kể kết quả học tập theo thang điểm 10 của sinh viên Khoa Kinh tế & QTKD.

### 3.2. Kết quả phân tích mô hình hồi qui đa biến

Nghiên cứu đã khảo sát bằng bảng hỏi với

dung lượng mẫu (n = 512). Nghiên cứu đã sử dụng phần mềm SPSS cho phân tích mô hình hồi qui đa biến để xác định các nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả học tập (thông qua điểm TBHT thang điểm 10) của sinh viên chính qui thuộc Khoa Kinh tế & QTKD, Trường ĐHLN. Kết quả mô hình, trình bày qua bảng 6, cho thấy các nhân tố sau đây ảnh hưởng một cách đáng kể đến kết quả học tập của sinh viên thông qua điểm TBHT theo thang điểm 10: giới tính; ngành học; học thêm ở thư viện; khối thi đầu vào; năm thứ và sử dụng Thư viện, máy vi tính, Internet phục vụ học tập.

**Bảng 6. Tóm tắt mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên Khoa Kinh tế và QTKD**

Biến độc lập	Hệ số chưa chuẩn hóa (B)	Hệ số chuẩn hóa (Beta)	t-value	Mức ý nghĩa (P-value)	VIF
(Constant)	2,906		6,288	0,000***	1,036
Năm thứ	0,468	0,321	9,056	0,000***	1,070
Giới tính	-1,074	-0,413	-11,440	0,000***	1,019
SD Internet cho học tập	0,186	0,074	2,112	0,035**	1,031
Điểm thi đại học	0,196	0,240	6,791	0,000***	1,054
Ngành học	-0,079	-0,100	-2,801	0,005***	1,036
Biến số phụ thuộc: Kết quả học tập sinh viên (KQHT) đánh giá theo thang điểm 10					
Tổng số mẫu	512				
F	69,004***				
R <sup>2</sup>	0,419				
R <sup>2</sup> đã hiệu chỉnh	0,413				
Ghi chú: *** p<0,001, ** p<0,05, *p<0,10 (two-sided)					

**Bảng 7. Tầm quan trọng của các yếu tố**

Biến độc lập	Giá trị tuyệt đối	%
Năm thứ	0,321	28,0
Giới tính	0,413	36,0
SD Internet_Hoctap	0,074	6,4
Điểm thi đại học	0,240	20,9
Ngành học	0,100	8,7
Tổng số	1,148	100

Qua kết quả bảng 7 ta thấy các biến độc lập của mô hình hồi qui giải thích được 41,9% sự sai khác về kết quả học tập của sinh viên và thứ tự tầm quan trọng của các biến số ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên Khoa kinh tế & QTKD thông qua kiến thức và kỹ năng thu nhận được của các môn học như sau: Cao nhất là “Giới tính” (36%); tiếp đến là “Sinh viên năm thứ” (28%); “Điểm thi đại học” (20,9%) và “ngành học” (8,7%); “Sử dụng Internet trong học tập” (6,4%).

Thông qua kết quả nghiên cứu có thể khẳng định các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên Khoa kinh tế & QTKD là: (1) “Giới tính”, (2) “Sinh viên năm thứ”, (3) “Điểm thi đại học”, (4) “Ngành học”, (5) “Sử dụng Internet trong học tập”.

### **3.3. Một số giải pháp nhằm nâng cao kết quả học tập cho sinh viên Khoa Kinh tế & QTKD**

- Nhà trường cần phải giới thiệu và trang bị cho sinh viên phương pháp học tập thích hợp. Sinh viên phải kết hợp học tập ở trên lớp với học tập ở nhà, trên thư viện. Khi học tập trên lớp sinh viên chú ý nghe giảng để nắm bắt được nội dung chính của bài giảng, đặt câu hỏi và trao đổi bài với giáo viên. Ở nhà sinh viên tận dụng tối đa thời gian để đọc thêm những tài liệu tham khảo, làm bài tập.

- Sinh viên có thể tổ chức học nhóm hoặc có thể tham gia các câu lạc bộ học thuật như tin học, ngoại ngữ.

- Nhà trường cần ưu tiên đầu tư cho thư viện, đầu tư hệ thống máy tính và Internet phục vụ cho việc học tập của sinh viên

- Nhà trường cần quán triệt giáo viên trong việc đánh giá KQHT của sinh viên một cách công bằng, minh bạch. Bên cạnh đó Nhà trường cần áp dụng các biện pháp khen thưởng cho những sinh viên có thành tích cao trong học tập để sinh viên có động lực phấn đấu.

## **IV. KẾT LUẬN**

Việc nghiên cứu thực trạng về kết quả học tập và các nhân tố tác động đến KQHT của

sinh viên chính quy Trường ĐHLN là rất cấp thiết sẽ giúp cho nhà trường phát huy các yếu tố tích cực, quan trọng và hạn chế các yếu tố tiêu cực để góp phần nâng cao KQHT của sinh viên từ đó nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Để đạt mục tiêu nghiên cứu, nhóm tác giả đã khảo sát bằng bảng hỏi cho 512 sinh viên chính quy của Khoa Kinh tế & QTKD và đã sử dụng các mô hình hồi qui đa biến cho việc xác định được các nhân tố ảnh hưởng chủ yếu đến kết quả học tập của sinh viên chính quy Khoa Kinh tế & QTKD, bao gồm: giới tính; sinh viên năm thứ; điểm thi đại học; ngành học; sử dụng các thiết bị hỗ trợ như Thư viện, máy vi tính và Internet phục vụ học tập. Kết quả nghiên cứu cho thấy phương pháp học tập có ảnh hưởng nhiều nhất đến kết quả học tập của sinh viên cũng như cho thấy sinh viên năm 2 và năm 3 có kết quả cao hơn hẳn so với sinh viên năm thứ nhất, sinh viên học thêm ở thư viện, sử dụng máy vi tính, Internet phục vụ học tập cũng cho kết quả học tập cao hơn. Từ đó đề xuất ra một số giải pháp nâng cao kết quả học tập của sinh viên Khoa Kinh tế & QTKD như: đổi mới phương pháp học tập, đầu tư thêm về cơ sở vật chất...

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Huỳnh Quang Minh (2002). Khảo sát những nhân tố ảnh hưởng kết quả học tập của sinh viên hệ chính qui Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM. Đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên.

2. Stinebrickner, T. R. and Stinebrickner, R. (2000). Working during school and academic performance. [www.ssc.uwo.ca/economics](http://www.ssc.uwo.ca/economics), assessed 15 December 2002.

3. Stinebrickner, T. R. and Stinebrickner, R. (2001\_a). The Relationship between Family Income and Schooling Attainment: Evidence from a liberal Arts College with a Full Tuition Subsidy Program.

4. Stinebrickner, T. R. and Stinebrickner, R. (2001\_b). Peer Effects Among Students from Disadvantaged Background, CIBC Working Paper Series, Working paper No. 2001-3. University of Western Ontario: Canada.

5. Nguyễn Thị Mai Trang, Nguyễn Đình Thọ, Mai Lê Thúy Vân (2008). Các yếu tố chính tác động vào kiến thức thu nhận của sinh viên khối ngành kinh tế tại TP.HCM. Đề tài B2007-76-05, Bộ Giáo dục & Đào tạo.

**STATUS AND FACTORS INFLUENCING STUDY RESULTS OF  
STUDENTS FROM ECONOMICS AND BUSINESS MANAGEMENT  
FACULTY, VIETNAM FORESTRY UNIVERSITY**

**Nguyen Thuy Dung<sup>1</sup>, Hoang Thi Kim Oanh<sup>2</sup>, Le Dinh Hai<sup>3</sup>**  
*<sup>1,2,3</sup>Vietnam National University of Forestry*

**SUMMARY**

The Vietnam National University of Forestry (VNUF) is a leading institution in the field of forestry education and Scientific research scale up to 17,000 students nationwide. The Faculty of Economics and Business Management (FEBM) has the number of students. So, in this research, we surveyed 512 students from the Faculty of Economics and Business Management. The results of this research indicated that the FEBM's students only achieved at moderate score of their study (with average score of 6.35). The analysis of multiple linear regression also indicated that factors of student's characteristics (including: Gender, Number of years student has studied, Score of entrance exam, Study fields, Using library and Internet for study) significantly affected the study results of FEBM's students. The findings of this research, therefore, provide implications for solution development, with the aims being to improve the study results of FEBM's students in particular and of VNUF's student in general.

**Keywords:** Economics and Business Management Faculty, multiple linear regression, study results, VNUF.

**Ngày nhận bài** : 25/8/2016  
**Ngày phản biện** : 15/9/2017  
**Ngày quyết định đăng** : 02/10/2017